

Bỏ Dấu Trong Chữ Việt

I - Trong những chữ chỉ có một nguyên âm (nguyên âm đơn) thì dấu thanh sẽ đặt ngay trên nguyên âm đó.

II - Dấu thanh sẽ không bao giờ được đặt ở “i” trong phụ âm kép “gi”. Tương tự, dấu thanh sẽ không bao giờ được đặt ở “u” trong phụ âm kép “qu”. Trường hợp ngoại lệ: “gí, gì, gìn” là chữ chỉ có một nguyên âm. Dấu phải bỏ ở nguyên âm “i”.

Thí dụ: giỏ, giả, giẻ, giũ, giũ, giữa, quạ, quỏ, què, quít*, quýt*, già (lúa).

III - Trong những chữ có hai hay ba nguyên âm (nguyên âm đôi và nguyên âm ba):

A – Trong những chữ có một trong 5 nguyên âm sau đây:

ă â ê ơ ô

dấu thanh sẽ được đặt ngay trên các nguyên âm kể trên cho dù chúng là mẫu tự đầu tiên, thứ hai, thứ ba, hay thứ tư của một chữ.

Nhận xét: những nguyên âm trên không bao giờ đi chung với nhau, nghĩa là những nguyên âm này không bao giờ có trong cùng một chữ.

Thí dụ: xoắn, oằn, khuẩng, Tuẩn, tẩu, tẩễn, quỏ, Huế, hổi, cuổi, cổi, nguời, cuội, ổi, thối.

B – Trong những chữ có ba nguyên âm, nhưng không có 5 nguyên âm kể trên, dấu thanh sẽ được đặt ở trên nguyên âm thứ hai.

Thí dụ: ngoạị, khuỷu, oái, thoái, loáy hoáy, ngoáo (ộp), (nguồn) ngoèo.

C – Trong những chữ có hai nguyên âm, nhưng không có 5 nguyên âm kể trên, dấu thanh sẽ được đặt ở trên nguyên âm đầu tiên nếu chữ không có

phụ âm cuối. Dấu thanh sẽ được đặt ở trên nguyên âm thứ hai nếu chữ có phụ âm cuối.

Thí dụ:

- Không có phụ âm cuối: cử, gửi, ngủi, cứu, lựu, cừu, ngựa, cửa, ứa, nữa, ải, ngải, thãi, áo, thạo, sáu, nhảy, nhay, dẫy, tia, nghĩa, tít, iu, xiu, phịu, tiu ngịu, ói, còi, gỏi, ủi, húi, (giặt) gya [đọc khác gĩa (lúa)].
- Có phụ âm cuối: (láng) coóng, (xe) goòng, (quần) soot.

D- Chữ “gya” [*chữ duy nhất trong tiếng Việt có nguyên âm đôi “ya”*] nếu viết theo đúng phiên âm sẽ là “giĩa”. Hai mẫu tự “ii” được thay thế bằng “y”. Có sách viết là “gĩa” (bỏ mẫu tự “i” của “gi”). Tuy nhiên, cách viết này dễ bị bỏ dấu sai. Trường hợp “gí, gì, gìn” nếu viết theo đúng phiên âm sẽ là “gií, giì, giìn”, nhưng, thay vì hai mẫu tự “ii” được thay thế bằng “y” và viết là “gý, gỳ, gỳn”, mẫu tự “i” của “gi” được bỏ đi cho giản tiện.

E- Những chữ có nguyên âm đôi “oa”, “oe”, và “uy”

Cách viết cũ: Bỏ dấu ở trên nguyên âm thứ nhất nếu chữ không có phụ âm cuối. Bỏ dấu ở trên nguyên âm thứ hai nếu chữ có phụ âm cuối.

Cách viết mới: Bỏ dấu ở trên nguyên âm thứ hai (a, e, y).

Tóm tắt:

Nếu chữ có phụ âm cuối

Bỏ dấu ở trên nguyên âm thứ hai

Cách viết mới = Cách viết cũ
oà, oá, oả, oã, oạ
oè, oé, oẻ, oẽ, oẹ
uỳ, úy, uỷ, uỹ, uy

Nếu chữ không có phụ âm cuối.

Cách viết cũ	Cách viết mới
òa, óa, ỏa, ãa, ọa	oà, óá, ỏá, ỏã, ọá
òe, óe, ỏe, ãe, ọe	oè, óé, ỏé, ỏẽ, ọé
ùy, úy, ủy, ãy, ọy	uỳ, úý, ủý, ủỹ, ọý

Cách viết cũ dễ nhớ, nhưng cách viết mới được chấp nhận ở Việt Nam vì được cho là hợp lý hơn về mặt chiết tự và kết âm. Nếu cách viết mới được chấp nhận, vị trí dấu thanh không hề thay đổi cho các nguyên âm kể trên cho dù chúng là mẫu tự đầu tiên, thứ hai, thứ ba, hay thứ tư của một chữ.

Thí dụ:

Cách viết cũ

Cách viết mới

ảo	áo	ảo	áo
oản	oán	oản	oán
hỏa (hoạn) hoảng	hóa hoán	hoả hoảng	hoá hoán
hoạt họa		hoạt họa	
thỏa thoảng	thỏa thoảng	thỏa thoảng	thỏa thoảng
lòe loẹt	chóe lóe	loè loẹt	choé loé
ẹo ọe (hoạch) hợ		ẹo ọe (hoạch) hợ	
Thúy Túy		Thuý Túý	
quí* lự	quý* lự	quý* lự	

* Xem xem phụ chú *Nguyên Âm “i” và “y”*

Nguyên Âm “i” và “y”

**Ghi Chú: chữ “i” trong phụ âm kép “gi” là bán nguyên âm nên không được bàn ở đây và các luật dưới đây vẫn áp dụng.*

I - Những chữ chỉ có một nguyên âm (nguyên âm đơn)

Phần lớn, nguyên âm “i” (i ngắn) được viết trong những chữ chỉ có một nguyên âm.

Ngoại lệ:

1 - Tên riêng. Thí dụ: bác sĩ, Doãn Quốc Sỹ, vĩ tuyến, Nguyễn Vỹ, thi cử, Thy Vân, Quang Thi, Kí Con, Nam Kỳ, Hy Lạp, Bắc Mỹ, Mỹ Tho

2 - Trong những chữ chỉ có nguyên âm “i” đứng một mình, thường thường chữ đó sẽ được viết bằng “y” (i dài, i-gờ-rêch).

Thí dụ: Y (hấn) đến rồi, danh y, quy** y, qui** y (Xem phần III), y hện, y sĩ, ý chí, ý định, ý kiến, ý nghĩ, ý quyền, ý thế.

Tuy nhiên, những chữ sau đây được viết bằng “i” (i ngắn): ì, i tò, i-tò

Những chữ sau đây được viết bằng cả hai cách: ì-à ì-ạch, ÿ-à ÿ-ạch, ỉ-eo, ý-eo, ỉ-ôi, ý-ôi, ầm-ĩ, ầm ã, ầm-ỹ, ầm ỹ.

3 – Trong những chữ chỉ có hai mẫu tự và bắt đầu bằng phụ âm “H, K, L, M, T”, chữ đó sẽ thường được viết bằng “y” (i dài, i-gờ-rêch) nếu là chữ Hán Việt (để hàm ý xa, to, đẹp, trang trọng, tôn kính, v.v...)

Thí dụ:

Hy: hy vọng, hy sinh, hý trường, hỷ lạc, hỷ sự

Hi: cười hì-hì, hì hà hì hục

Ky: chữ ký, ký giả, thư ký, kỳ cục, cực kỳ, kỳ lạ, tri kỷ

Ki: Ki-lô-mét, một kí, kì kèo, kì cục, kì (cụ), kì cộ

Ly: ly dị, ly hương, lý lẽ, lý lịch, lý sự, lý thuyết, lý trí, vạn lý, hồ lý (lì)

Li: nói lí nhí, lí la lí lắc, li ti, lì lợm, hồ lì (lỳ)

My: thâm mỹ, mỹ thuật, mỹ ý, mỹ nữ

Mi: mị dân, mì Quảng, mí mắt, lông mi, tỉ mỉ

Ty: ty mật thám, công ty, ty hiểm, tỳ thiếp, ty nạn, tử phú

Ti: tí hon, uống tí tí, tí xiu, mắt ti hí, ti tiện, tỉ mỉ

II - Những chữ có hai hay ba nguyên âm (nguyên âm đôi, nguyên âm ba)

1 – Những nguyên âm đôi chỉ được viết với nguyên-âm “i” (i ngắn).

Oi: toi, coi, coi, ngoi, chòi, khói, rọi, hỏi, lỗi

Ôi: tôi, ngồi, khổi, trọi, nổi, lỗi

Ơi: chơi, bời, tới, sọi, khởi, cỗi

Ui: __, __, __, __, ngửi, (khung) cửi, __

2 – Những nguyên âm đôi chỉ được viết với nguyên-âm “y” (i dài).

Ây: tây, thầy, giầy*, cây, giấy*, ngậy, nhây, lầy, quây**, quây**

(“u” trong phụ âm kép “qu” là bán nguyên âm)

3 – Những nguyên âm đôi được viết với nguyên-âm “i” hay “y” tùy theo cách đọc hay theo vị trí nguyên âm (đứng đầu chữ hay đứng trong chữ)

Ai: tai, giai*, ngài, lái, nhai, khái, lái

Ay: tay, ngày, láy, nháy, kháy, nãy

Ai**: quai, quài, quái, quai, quai, quai (Xem phần III)

Ay**: quay, quày, __, quáy, quáy, __ (Xem phần III)

Ia: bia, tía, nghĩa, chìa, bìa, tia, nghĩa, Ngã Ba Chú Ía

Ya: (giặt) gya [nếu viết theo đúng phiên âm sẽ là “gia”]

[Ngoại lệ: chữ duy nhất trong tiếng Việt có nguyên âm đôi “ya”]

Iu: liu riu, diu, tít (tít), điu (con), iu xiu, (dè) bủ, bủ (môi)

Ui: tui, thui, thúi, thui, thui, mũi

Uy: tuy, thùy, thúy, thuy, thúy, lũy

Uy: huỳnh, huỳnh, suýt, huých, nguỳnh, ____

Iê (đứng trong chữ): thiên, tiền, nghiên, nghiệm, xiêng, miễn

Yê (đứng đầu chữ): yên, __, yét, __, yêng, __

Yê (Ngoại lệ: đứng trong chữ theo sau “qu”):

quyên, quyền, quyen, quyen, quyen, ____ (Xem phần III)

4 – Những nguyên âm ba chỉ được viết với nguyên-âm “i”

Uôi: xuôi, ruồi, cuối, cuội, tuổi, duỗi

Uoi: tươi, cười, cươi, (buồn) dười dươi, bươi, lười

5 – Những nguyên âm ba chỉ được viết với nguyên-âm “y”

Uây: nguây, khuây, nguây, nguây, nguây

Uya: khuya, _____, _____, _____, _____

Uyê: tuyên, thuyền, khuyến, nguyện, tuyến, suyễn

Uyu: _____, _____, _____, khuyu, khuyu, _____

6 – Những nguyên âm ba được viết với nguyên-âm “i” hay “y” tùy theo cách đọc hay theo vị trí nguyên âm (đứng đầu chữ hay đứng trong chữ)

Oai: khoai, ngoài, oái, loại, xoái, oái

Oay: xoay, xoáy, toáy, _____, _____, ngoãy

Iêu (đứng trong chữ): thiêu, tiêu, khiêu, diêu, tiêu, miểu

Yêu (đứng đầu chữ): yêu, _____, yếu, _____, yếu, _____

III – Phụ âm kép “qu”

1 - Trong những năm qua, có nhiều cuộc tranh cãi và nhiều bài tham luận về phụ âm kép “qu”, đặc biệt là “qu + i” hay “qu + y”.

Cách viết cũ: qu + i

Thí dụ: qui, quì, quí, quí, quí, quí

Cách viết mới: qu + y

Thí dụ: quy, quỳ, quý, quy, quỳ, quỹ

Cách viết phổ thông, thiên về thẩm mỹ: qu + i, ngoại trừ quý, quỹ

Cách viết mới hợp lý hơn về mặt chiết tự và kết âm.

Khi đánh vần, ta sẽ đọc là:

Quý:

Cách thứ nhất: cu-u-i-qui-sắc = quý

Cách thứ hai (ráp vần): quờ + i-qui-sắc = quý

Cách thứ ba (ráp vần): i-sắc-í, quờ-í = quý

Quý:

Cách thứ nhất: cu-u-i-gờ-rếch-quy-sắc = quý

Cách thứ hai (ráp vần): quờ + i-gờ-rếch-quy-sắc = quý

Cách thứ ba (ráp vần): i-gờ-rếch-sắc-í, quờ-í = quý

2 - Nguyên âm đôi hay nguyên âm ba: “uai”, “uay”, “uây”, “uyê”

A - “uai”, “uay”

Trong phần II-3, “uai” và “uay” được xem là nguyên âm đôi vì hai nguyên âm này chỉ được viết với phụ âm “q”. Thật ra là phụ âm kép “qu” được viết với nguyên âm đôi “ai” và “ay”.

qu + ai: quai, quài, quái, quại, quải, quãi

qu + ay: quay, quày, __, quạy, quảy, __

Khi đánh vần, ta sẽ đọc là:

Quai:

Cách thứ nhất: cu-u-a-i = quai

Cách thứ hai (ráp vần): quờ + a-i = quai

Cách thứ ba (ráp vần): a-i-ai, quờ-ai = quai

Quay:

Cách thứ nhất: cu-u-a-i-gờ-rếch = quay

Cách thứ hai (ráp vần): quờ + a-i-gờ-rếch = quay

Cách thứ ba (ráp vần): a-i-gờ-rếch-ay, quờ-ay = quay

B - “uây”, “uyê”

Nguyên âm “uây” và “uyê” được xem là nguyên âm ba vì nguyên âm này được viết với các phụ âm khác. Khi phụ âm “q” viết với “uây” hay “uyê”, thật ra là phụ âm kép “qu” được viết với nguyên âm đôi “ây” hay “yê”.

Khi đánh vần, ta sẽ đọc là:

Quây:

Cách thứ nhất: cu-u-ó-i-gờ-rếch = quây

Cách thứ hai (ráp vần): quờ + ó-i-gờ-rếch = quây

Cách thứ ba (ráp vần): ó-i-gờ-rếch-ây, quờ-ây = quây

Nguây:

Cách thứ nhất: en-nò-giê-u-ó-i-gờ-rếch = nguây

Cách thứ hai (ráp vần): ngờ + u-ó-i-gờ-rếch = nguây

Cách thứ ba (ráp vần): u-ó-i-gờ-rếch-uây, ngờ-uây = nguây

Quyên:

Cách thứ nhất: cu-u-i-gờ-rếch-ê-en-nò = quyên

Cách thứ hai (ráp vần): quờ + i-gờ-rếch-ê-en-nò = quyên

Cách thứ ba (ráp vần): i-gờ-rếch-ê-en-nò-yên, quờ-yên = quyên

Khuyên:

Cách thứ nhất: ca-hát-u-i-gờ-rếch-ê-en-nò = khuyên

Cách thứ hai (ráp vần): khờ + u-i-gờ-rếch-ê-en-nò = khuyên

Cách thứ ba (ráp vần): u-i-gờ-rếch-ê-en-nò-uyên, khờ-uyên = khuyên